

# NGUYỄN TRÃI VÀ NGÔ THÌ NHẬM – HAI CUỘC ĐỜI VÀ MỘT TÂM NHÌN NGOẠI GIAO

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH \*

**Tóm tắt:** Bài viết thuộc lĩnh vực nghiên cứu tác gia lịch sử, so sánh hai cuộc đời, hai triều đại, hai tầm nhìn ngoại giao của hai nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc: Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm. Bài viết đã chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt trong việc thực hiện các chiến lược, sách lược ngoại giao của hai tác gia, mang đậm dấu ấn của nhà Nho trác việt.

**Từ khóa:** Nguyễn Trãi; Ngô Thì Nhậm; ngoại giao; sách lược; tầm nhìn chiến lược; đấu tranh; bất hòa; quan hệ bang giao; yêu nước; thắng lợi; mặt trận quân sự.

## DẪN NHẬP

Nguyễn Trãi - nhà chính trị, ngoại giao, nhà văn hóa lỗi lạc của dân tộc Việt Nam thế kỷ XV; Ngô Thì Nhậm - một trong số những nhà chính trị, ngoại giao nổi bật nhất ở nước ta thế kỷ XVIII. Hai con người ấy ở hai thời kỳ lịch sử khác nhau, vậy mà chính trong hai thời kỳ lịch sử khác nhau đó, Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm đã có dịp “gặp nhau” ở tư chất, thiên hướng và tầm nhìn ngoại giao của mình. Cả Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm tuy không phải là lãnh tụ tối cao của các cuộc khởi nghĩa, cũng không phải là người nắm quyền hành tối thượng của đất nước lúc bấy giờ nhưng hai ông đều đã thành công trong vai trò “cố vấn” ngoại giao đặc biệt cho những vị lãnh tụ kiệt xuất (Lê Lợi và Quang Trung - Nguyễn Huệ). Dẫu hoàn cảnh lịch sử khác nhau, phương thức ngoại giao của mỗi thời cũng không giống nhau như một lẽ tất yếu, nhưng cả hai đều cùng đi chung một con đường: đó là con đường đi trên Đại Đạo Tự Nhiên của nhân dân - nhân dân luôn yêu chuộng nhân nghĩa và hòa bình. Đi trên con đường ấy, cả Nguyễn Trãi và Ngô Thì

Nhậm đều gắng sức đem thiện chí hòa bình để đặt giữa lòng chiến tranh, đem tình thương để chiến thắng bạo tàn, đem lòng bao dung tuyệt vời để cảm hóa nhân tâm. Con đường ấy cùng với lý tưởng nhân đạo toàn thiện, toàn mỹ đã đưa hai con người ở hai thời kỳ lịch sử khác nhau đó đến với nhau ở cùng một tầm nhìn chiến lược, biến phương châm ngoại giao dùng “ngồi bút thay giáp binh” thành hiện thực sống động.

## 1. Bối cảnh lịch sử và hành trình cuộc đời của Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm

Điều dễ dàng nhận thấy là Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm đều được may mắn sinh ra trong gia đình, quê hương giàu truyền thống Nho học và có rất nhiều người đỗ đạt thành tài. Chính tinh hoa của nền Nho học đã làm nên chiều sâu trong mỗi người và góp phần tạo nên sự thâm thúy, uyên nho trong phong cách ngoại giao của cả hai ông.

Quê hương của *Nguyễn Trãi* ở làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây

\* Thạc sĩ, Khoa Việt Nam học - Đại học Sư phạm Hà Nội.

(nay thuộc Hà Nội). Ông xuất thân trong một dòng tộc nhiều đời làm võ quan cao cấp dưới nhiều triều đại. Ngay từ rất sớm, Nguyễn Trãi đã nổi tiếng học rất giỏi do được hấp thụ từ ông ngoại và cha của mình tinh hoa của nền Nho học và một truyền thống văn chương uyên bác. Có thể nói, tư tưởng, văn hóa và học thuật cùng nhân cách của ông ngoại, của người cha đáng kính, rồi tư tưởng thân dân của cả dòng họ... Tất cả đã tác động trực tiếp đến chí nguyện và phong cách chính trị, ngoại giao của Nguyễn Trãi.

Cũng như Nguyễn Trãi, **Ngô Thì Nhậm** được sinh ra và lớn lên ở ngôi làng cổ kính, trù mật vùng ven bờ sông Nhuệ - làng Tả Thanh Oai. Ngôi làng từ lâu đã nổi tiếng là nơi sản sinh ra biết bao nhân tài đỗ đạt, đóng góp nhiều công trạng cho đất nước. Được sinh ra và trưởng thành trong một dòng họ, gia đình giàu truyền thống Nho học như thế tất nhiên sẽ định hướng ngay từ rất sớm chí nguyện học hành đỗ đạt của ông. Hơn thế nữa, ngay từ thuở nhỏ, cũng như Nguyễn Trãi, Ngô Thì Nhậm đã tỏ rõ sự thông minh, tài trí thiên bẩm của mình. Bảy giờ, mới 16 tuổi, Ngô Thì Nhậm đã trước thuật được một công trình về sử học *Việt Sử toát yếu*. Ngòi bút cùng trí tuệ tuyệt vời của ông đã bước đầu được thử thách trên kho tàng lịch sử lâu đời, quý báu của dân tộc, và ngòi bút ấy ắt hẳn sẽ tiếp tục được mài giũa ngày càng sắc bén trong sự nghiệp chính trị, ngoại giao về sau.

Và điều đặc biệt, cả Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm, tuy hai người ở hai thời kỳ lịch sử khác nhau, song trong cả hai thời kỳ ấy, đất nước đều kinh qua nhiều biến loạn, nhân dân phải chịu bao đau khổ,

lầm than.

**Nguyễn Trãi** ra đời và lớn lên giữa lúc đất nước rối ren về chính trị và xã hội. Nhà Trần bấy giờ đang trong thời kỳ suy thoái, ngày một mục nát. Nhân dân điêu đứng, lầm than. Năm 1400, Hồ Quý Ly lên ngôi vua, lật đổ nhà Trần và lập ra nhà Hồ. Song nhà Hồ cầm quyền chưa được bao lâu thì đến tháng 11 năm 1406 đã phải đương đầu với họa xâm lăng của phong kiến phương Bắc và sớm bị thất bại do không được lòng dân. Từ đây nhân dân phải sống trong cảnh tiêu điều, xơ xác, nước mất nhà tan... **Ngô Thì Nhậm** sinh ngày 11 tháng 9 năm Bính Dần (1746)<sup>(1)</sup>, đúng vào thời điểm các vương triều phong kiến ở Đàng Trong và cả Đàng Ngoài đang lâm vào bước đường khủng hoảng, suy thoái. Cũng như Nguyễn Trãi, trong suốt những năm tháng vừa trưởng thành, Ngô Thì Nhậm đã có dịp được chứng kiến tận mắt nỗi thống khổ, bi ai của bao người dân bất hạnh đương thời<sup>(2)</sup>. Và rồi, cũng chính từ đây, ông cũng được chứng kiến sự trào sôi của biển cả nông dân khởi nghĩa với những cơn cuồng phong dữ dội... Tất cả đã hằn sâu trong tâm thức của Nguyễn Trãi, Ngô Thì Nhậm và hun đúc trong lòng hai ông ước vọng khác khoải về cuộc sống hòa bình “chốn chốn tắt binh đao” - một khát khao cháy bỏng về hạnh phúc cho mỗi người dân. Ước nguyện lớn lao ấy đã giúp hai ông có đủ sáng suốt và bản lĩnh tuyệt vời để chọn cho mình một vị chân chúa anh minh, một con đường sống đúng nhằm thỏa sức cống hiến tài trí với hy vọng

<sup>(1)</sup> Xem thêm: Văn Lan, Văn Lang, Lê Sĩ Thắng, Chương Thâu, Ngọc Liên (1974), *Ngô Thì Nhậm – con người và sự nghiệp*, Nxb. Văn hóa Thông tin Hà Tây, tr.13.

<sup>(2)</sup> *Ngô Thì Nhậm – con người và sự nghiệp*, Sđd, tr.13.

mang lại hạnh phúc, ấm no cho những người dân vô tội. Bởi thế, Nguyễn Trãi đã không theo hai cuộc kháng chiến của nhà Hậu Trần (1407 - 1413), mà người tìm đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi khởi xướng và từ đây bắt đầu sự nghiệp chính trị, ngoại giao vì đại nghĩa của mình trong tư cách một vị cố vấn đặc lực. Còn Ngô Thì Nhậm, ông dũng cảm bước chân ra khỏi chốn quan trường dưới triều vua Lê - chúa Trịnh đang ngày ngày mục ruỗng, thối nát, để rồi tìm về với khởi nghĩa Tây Sơn, với vương triều Quang Trung và trở thành vị tham mưu, cố vấn đặc lực cho người anh hùng áo vải.

Hơn thế nữa, tuy hai con người sống ở hai thời kỳ lịch sử khác nhau, nhưng điều dễ dàng nhận thấy: xét trong mối tương quan so sánh với những thời đoạn khác trong diễn trình lịch sử phong kiến Việt Nam thì đây lại là hai thời kỳ lịch sử mà vị thế ngoại giao của Việt Nam trong mối quan hệ với đại quốc phong kiến Trung Hoa được khẳng định mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống quân Minh (thế kỷ XV) dưới thời Nguyễn Trãi và cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược (thế kỷ XVIII) dưới thời Ngô Thì Nhậm là những chiến công oanh liệt bậc nhất trong vô vàn những thắng lợi lớn lao của dân tộc ta trong lịch sử chiến tranh vệ quốc và giải phóng dân tộc thời phong kiến. Có thể nói, những thắng lợi trên mặt trận quân sự ấy đã quyết định vị thế ngoại giao vững chãi của dân tộc ta trên mặt trận ngoại giao thời bấy giờ và đến lượt mình, vị thế ngoại giao ấy của dân tộc lại tác động trực tiếp đến bản lĩnh và phong thái ngoại giao vững vàng, kiên

định, đầy dũng khí của những những người lãnh trách nhiệm trước lịch sử như Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm.

Vậy là, Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm - hai con người ở hai thời kỳ lịch sử cách nhau đến hơn 300 năm nhưng hành trình cuộc đời đã đưa cả hai vượt qua bao thử thách, bao lần cân nhắc, lựa chọn để cuối cùng cùng tìm về những vị chân chúa anh minh, về với những cuộc khởi nghĩa quy tụ sức mạnh toàn dân tộc. Phải chăng, tấm lòng yêu Dân - Nước, tấm lòng thiết tha hòa bình, lý tưởng nhân đạo toàn thiện, toàn mỹ cùng với những nét tương đồng trong bối cảnh lịch sử chính là mẫu số chung làm nên những nét chung trong phong cách và tầm nhìn ngoại giao của hai ông?

## **2. Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm – hai nhà ngoại giao kiệt xuất, hai thời kỳ lịch sử và một tầm nhìn chiến lược**

Nếu như Lê Lợi và người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ luôn được nhớ đến trong vai trò người người lãnh đạo tối cao của những cuộc khởi nghĩa lớn trong lịch sử dân tộc và là những vị vua đầu tiên sáng lập nên của các triều đại phong kiến có nhiều cống hiến đối với sự phát triển của đất nước (triều Lê sơ và triều Quang Trung), thì đây, Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm lại luôn được nhắc đến như những “cố vấn” đặc biệt, là cánh tay phải đặc lực cho mỗi thắng lợi quân sự, ngoại giao của các vị vua anh minh ấy. Chính Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm đã biến phương châm ngoại giao dùng “ngồi bút thay giáp binh” thành hiện thực sống động. Chính họ đã góp phần không nhỏ trong việc xây đắp quan hệ “bang giao hảo thoại” giữa hai nước Việt – Trung lên một tầm cao mới.

### 2.1. Nhà ngoại giao Nguyễn Trãi

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng – đó là một thắng lợi vang dội của quân và dân ta sau chuỗi ngày đấu tranh trường kỳ, gian khổ đánh đuổi ách xâm lược tàn bạo của quan quân Minh triều. Thắng lợi ấy đã đi qua nhưng dư âm về sự kết hợp nhuần nhuyễn đến tuyệt vời giữa cuộc đấu tranh trên mặt trận quân sự và mặt trận ngoại giao vẫn còn vang vọng mãi. Và Nguyễn Trãi – cánh tay đắc lực của lãnh tụ nghĩa quân Lê Lợi lúc bấy giờ chính là người đã viết nên “kịch bản” ngoại giao để đời ấy.

Tư tưởng chi phối toàn bộ hoạt động của Nguyễn Trãi là tư tưởng nhân nghĩa. Nguyễn Trãi đã từng nói: “Phàm mưu việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm đầu”, mà theo Nguyễn Trãi thì yêu cầu đầu tiên của “nhân nghĩa” là yêu dân, thương dân và giúp dân trừ bạo: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân – Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”. Chính tư tưởng nhân nghĩa này là kim chỉ nam xuyên suốt cho mọi hoạt động ngoại giao của Nguyễn Trãi lúc bấy giờ.

Từ lòng nhân nghĩa và khát khao hòa bình, người đã vạch ra kế sách “tâm công”, “đánh vào lòng người” một cách sáng tạo, đầy linh hoạt. “Mưu đánh vào lòng, không chiến mà thắng”, Nguyễn Trãi đã thay mặt Lê Lợi liên tiếp viết nhiều bức thư gửi bọn chỉ huy quân Minh. Tùy vào những đối tượng cụ thể và vào những thời khắc cụ thể mà ông có có đối sách ngoại giao linh hoạt với những lời lẽ “thiên biến vạn hóa”. Khi nghĩa quân đang trong tình thế khó khăn, cần thời gian để chỉnh đốn lực lượng và bản thân quân giặc đang mệt mỏi, Nguyễn Trãi bằng ngòi bút của mình

đã đánh vào tâm lý ấy của giặc với những lời lẽ vô cùng nhún nhường và thật đỗi kín kẽ để từ đây mở ra khoảng thời gian hòa hoãn cần thiết giữa hai bên: “...Tôi không biết kêu đâu, tiến thoái đều khó, bèn sai thân nhân đến Tam ty tạ tội, thì hai ba lần sứ đi đều bị giết, không ai được về. Tôi không biết tính sao, đành phải chạy đi núp náu cho qua năm tháng để đợi quan trên xét soi. Sống tạm nơi rừng núi đã sáu năm trời, ngày cơm hai bữa chưa từng có bữa nào no... Nay nghe quan Tổng binh là bậc đức lớn ân rộng, tâm như Đặng Vũ dụ địch, chính như Hoàng Bá dạy dân, thật là dịp cho tôi được sửa lỗi đổi mình. Vậy xin kính sai bọn anh họ là Lê Vận dâng thư đến viên môn, giải bày oan khổ, cúi xin đại nhân tha cho lỗi đã qua, mở cho đường đổi mới. Nếu được rủ lòng khoan thứ, thật là ơn tạo hóa của trời đất vậy”<sup>(3)</sup>.

Khi giặc đã lâm vào thế tiến thoái lưỡng nan, bằng ngòi bút sắc sảo của mình, Nguyễn Trãi lại nêu cao tính chính nghĩa tất thắng của quân dân ta, phân tích bản chất phi nghĩa và nguy cơ bại vong của chúng, mở ra cho giặc một lối thoát hòa bình. Bức thư gửi Vương Thông vào đầu năm 1427 – thời khắc mà nghĩa quân Lam Sơn đã quét sạch các căn cứ của giặc ở ngoài thành và bao vây chặt thành Đông Quan đã thể hiện rõ tinh thần ấy và thực sự là đòn đánh mạnh vào tâm lý giặc: “...Nếu người thực lòng thương dân chúng thì nên sai đầu mục đến các thành Diễn Châu, Nghệ An, Tân Bình, ra lệnh cho các tướng đem quân về, tôi sẽ lập tức sắm đủ phương vật tiến cống, ngài sẽ cho quan đi

<sup>(3)</sup> Xem: Nguyễn Lương Bích (1973), *Nguyễn Trãi đánh giặc cứu nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.102.

cùng với tử đệ thân tín của tôi để quy hàng phục tội, còn như cầu cống đường sá, tôi xin nhận sửa đắp, không phải phiền đến quan quân. Nếu ngài y lời không những sinh linh nước tôi khỏi lầm than mà quân sĩ Trung Quốc cũng khỏi nổi gươm đao vậy<sup>(4)</sup>”.

Đáp lại thiện chí hòa nghị ấy là thái độ lật lọng, phản bội của kẻ thù. Bấy giờ, Vương Thông đã ngầm xin viện binh và cho quân sĩ đánh ra ngoại thành. Ấy vậy mà, Nguyễn Trãi không hề nhụt chí, tiếp tục dùng ngòi bút của mình viết thư dụ hàng kết hợp với mặt trận quân sự đánh chiếm được các đồn Khâu Ôn, Điều Diêu, Thị Cầu, Tam Giang, đánh tan hai đạo viện binh và liền sau đó lại tiếp tục “nhún nhường” viết thư cho Vương Thông mở ra cơ hội thương lượng một lần nữa cho y<sup>(5)</sup>. Thậm chí để giặc yên tâm hòa đàm rút quân về nước, Nguyễn Trãi còn thay mặt Lê Lợi viết thư phân tích thấu đáo lẽ thiệt hơn để trấn an tinh thần quân giặc, nêu bật chủ nghĩa nhân đạo cao cả: “...Ta sẽ lui quân về các vùng Ninh Kiều, Lũng Giang để đại nhân được ung dung đem quân về nước. Đến Khâu Ôn lập tức trả lại các đầu mục của ta trở về, ta cũng sẽ cho đưa bọn Sơn đại nhân tới đây. Như thế đôi bên đều hết ngờ vực, mọi người đều yên lòng. Đường xá cầu cống, lương thực cung ứng đều sẵn sàng cả, không thiếu thứ gì...<sup>(6)</sup>”.

Kết quả là quân Minh phải rút hết về nước, không thể trì hoãn. Thắng lợi hơn nữa là chúng ra về trong không khí hòa nghị, bao dung của lãnh tụ nghĩa quân Lam Sơn. Dẫu Vương Thông và nhiều tướng lĩnh của giặc không phải hy sinh trên chiến trường phương Nam nhưng ắt

hẳn sự khoan hồng và lòng nhân ái, độ lượng tuyệt vời của những con người đất Việt như Nguyễn Trãi sẽ mãi là nổi ám ảnh, day dứt khôn nguôi trong lòng chúng. Đó là thắng lợi lớn lao hơn hết thảy mà cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã làm được và Nguyễn Trãi chính là đạo diễn.

Nhưng không dừng lại ở đó, tài năng ngoại giao của Nguyễn Trãi còn tiếp tục được bộc lộ trong cuộc đấu tranh giành quyền độc lập và tự chủ thực sự của đất nước trong những năm cuối và sau cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Chúng ta biết, với cuộc chinh phạt của Minh Thành Tổ vào năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), cha con Hồ Quý Ly bị bắt. Tháng 6 năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407), nhà Minh lập tức đổi An Nam thành Giao Chỉ, thiết lập hệ thống cai trị gồm ba cơ cấu Đô chỉ huy sứ ti, Bố chính sứ ti và án sát sứ ti, cắt cử bọn quan lại người Minh nắm giữ các cơ quan đó, đồng thời chia nước ta thành 15 phủ và 5 châu trực lệ ti Bố chính. Với hành động này, rõ ràng nhà Minh đã chuyển An Nam từ địa vị một phiên quốc thành hệ thống quận huyện dưới sự cai trị trực tiếp của “Thiên triều”. Vì thế, để xác định lại mối quan hệ giữa hai nước, giành lại địa vị *phiên quốc* cho nước Việt và duy trì nền độc lập tự chủ lâu dài, chấm dứt hẳn cuộc chiến tranh xâm lược ngoại bang. Hơn ai hết, Nguyễn Trãi hiểu rằng phải tiến hành cuộc đấu tranh ngoại giao vừa mềm dẻo vừa cương quyết với *chính triều đình phương Bắc mà trực tiếp là vua Minh Nhân Tông, Tuyên Tông và Anh Tông*.

<sup>(4)</sup> Nguyễn Lương Bích, Sđd, tr.292.

<sup>(5)</sup> Nguyễn Lương Bích, Sđd, tr.451.

<sup>(6)</sup> Nguyễn Lương Bích, Sđd, tr.466-467.

Từ chỗ xác định đúng đối tượng của cuộc đấu tranh ngoại giao lần này như vậy, Nguyễn Trãi đã thay đổi cách thức ngoại giao một cách đầy linh hoạt. Thực tế lịch sử cho thấy, thời gian của quá trình này cũng kéo dài không kém thời kỳ kháng chiến đánh đuổi đội quân xâm lược Minh triều. Khởi đầu là việc lập ra ông vua Trần Cảo (tháng 12 năm 1426) với tư cách là hậu duệ vua Trần để hợp pháp hóa hoạt động sách phong, triều cống trong giao thiệp với Minh triều<sup>(7)</sup>. Đoạn văn sau đây trong một tờ Biểu mà Nguyễn Trãi viết thay cho Trần Cảo (thực chất là Lê Lợi) dâng lên hoàng đế Minh triều đã thể hiện rất rõ ý thức của ông về mục tiêu cần đạt đến trong mọi lập luận ngoại giao của mình: “Thần trộm nghĩ đất Giao Chỉ phương Nam, thực quả là nước thuộc về hải ngoại, nhà Hán, nhà Đường dẫu đặt làm quận huyện, mà thực coi là hạng ki mi<sup>(8)</sup>; đời Tống, đời Nguyên tuy đánh dẹp ra uy, nhưng sau lại ban phong tước mệnh. Thái Tổ Cao Hoàng đế lúc ban đầu mở vận, ông cha thần trước các nước vào châu. Hàng năm tiến cống sên triều, nối đời tập phong Vương tước”<sup>(9)</sup>.

Từ đó, Nguyễn Trãi còn thay mặt Lê Lợi liên tiếp gửi đi hàng loạt văn kiện, trong đó nêu ra những chứng cứ về mặt địa lý và lịch sử để minh chứng tính chất độc lập và khẳng định địa vị một phiên quốc có quyền tự chủ như nước Nam. Đứng trên lập trường của một quốc gia độc lập ấy, ông đã không ngần ngại lên án mạnh mẽ cuộc chiến tranh xâm lược của nhà Minh, khẳng định tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến mà nhân dân ta đã tiến hành. Biết rằng không thể áp dụng hình thức gửi thư từ như đối với các quân

tướng nhà Minh trước đây. Trong cuộc đấu tranh ngoại giao lần này, ông đã phải mượn những hình thức công văn mang tính chất ngoại giao quan phương hơn, đó là văn kiện thể loại Tấu 奏, và Biểu 表<sup>(10)</sup> phù hợp với yêu cầu của “Thiên tử” Đại Minh nhằm phát huy tối đa công năng của chúng trong việc thực thi mục đích đề ra. Kết quả là, ngày 3 tháng 8 năm 1428, vua Minh phải sai sứ giả mang chiếu đến Giao Chỉ truyền lệnh rút quân và phong cho Trần Cảo làm *An Nam quốc vương*, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và kết thúc thời kỳ cai trị quận huyện của họ ở Giao Chỉ, đồng thời phải thừa nhận nước ta là một quốc gia có chủ quyền<sup>(11)</sup>.

Bằng những nỗ lực phi thường, với nhãn quan ngoại giao của bậc đại nhân, đại nghĩa, Nguyễn Trãi đã thực hiện được chí nguyện lớn lao của cuộc đời mình: “Sửa hòa hiếu cho hai nước - Tắt muôn đời chiến tranh” và từ đây khôi phục quan hệ hòa hiếu, hảo thoại Việt - Trung, khép lại một trang lịch sử đầy đau thương trong quan hệ giữa hai nước. Thắng lợi của cuộc

<sup>(7)</sup> cho đến trước khi thất bại hoàn toàn trên chiến trường (tháng 11 năm 1427), họ vẫn coi Lê Lợi và phong trào Lam Sơn là "làm loạn", là "giặc".

<sup>(8)</sup> Ki mi: chỉ quan hệ ràng buộc chứ không trực tiếp cai trị.

<sup>(9)</sup> Trích tờ Biểu mang danh nghĩa Trần Cảo là dòng dõi vua Trần gửi vua Minh.

<sup>(10)</sup> Tấu là để đạt lời nói, trình kể sự việc, còn Biểu là nhằm diễn đạt tâm tư, nguyện vọng. Xem thêm: Nguyễn Văn Nguyên (2003), *Tấu, biểu đấu tranh ngoại giao của Nguyễn Trãi*, Viện Cao học thực hành – Viện Viễn Đông bác cổ, Hà Nội, tr.24 - 25.

<sup>(11)</sup> Nhưng vào lúc này Trần Cảo đã chết, nhà Minh lại trở mặt, không chịu công nhận chính quyền mới thành lập của triều Lê mà dai dẳng liên tiếp đòi ta tìm kiếm con cháu họ Trần. Lê Lợi với sự giúp sức của Nguyễn Trãi qua nhiều lần giao thiệp giải thích, thuyết phục, thậm chí cả biện pháp vận động các đầu mục, kì lão trong nước liên danh cầu phong cho Lê Lợi, đến ngày 1 tháng 11 năm 1431, vua Minh mới chấp nhận trao cho vua ta Quyền thụ An Nam quốc sự.

khởi nghĩa Lam Sơn đã khép lại những năm tháng chiến tranh đẫm máu và mở ra một thời kỳ hòa bình, bang giao hảo thoại lâu dài trong quan hệ Việt - Trung trong hơn 300 năm. Phải đến cuối thế kỷ XVIII, với cuộc xâm lược ô ạt của triều đình phong kiến Mãn Thanh, mối quan hệ bang giao hòa hiếu giữa hai nước mới một lần nữa bị gián đoạn.

## 2.2. Nhà ngoại giao Ngô Thì Nhậm

Tiếp nối truyền thống của các thế hệ cha ông đi trước như Nguyễn Trãi, cũng bằng chính tác lòng yêu Dân – Nước và tinh thần hòa hiếu, nhân nghĩa tuyệt vời – vốn được xem là giá trị ưu mỹ nhất trong truyền thống văn hóa ngoại giao Việt Nam từ xa xưa cùng với tầm nhìn ngoại giao sắc nhọn của mình, Ngô Thì Nhậm đã tiếp tục mượn “ngồi bút thay giáp binh”, bắc nhịp cầu kết nối mối quan hệ bang giao hòa hiếu giữa hai nước Việt – Trung thêm một lần nữa, nâng mối quan hệ ấy lên tầm cao mới.

Bấy giờ, trong bối cảnh nửa cuối thế kỷ XVIII, khi đại quân xâm lược Mãn Thanh đã vượt biên giới vào bờ cõi nước ta, đe dọa đến sự an nguy, tồn vong của dân tộc, hơn ai hết, Ngô Thì Nhậm với kinh nghiệm lịch sử đã nhận định rất rõ rằng: Khi quân giặc đang men say xâm lược thì *chỉ có giành thắng lợi quyết định trên mặt trận quân sự mới có thể khuất phục chúng trên mặt trận ngoại giao để lập lại hòa bình trong quan hệ giữa hai nước*. Chính lòng khát khao hòa bình đã khiến ông hạ quyết tâm tìm ra kế sách hiệu quả hòng đề bẹp ý chí xâm lược của kẻ thù. Và cái “nước cờ Tam Điệp”<sup>(12)</sup> với tinh thần “trước thì chịu thua người một nước, sau mới được người ta một nước, đừng có đem nước sau làm

nước trước”<sup>(13)</sup> của ông được đưa ra trong hoàn cảnh bấy giờ chính là sản phẩm của một trí tuệ xuất chúng cả về chiến lược, về tâm lý, về sự thông kim bác cổ và cũng là sản phẩm của lòng yêu nước, yêu dân sâu sắc. Nước cờ Tam Điệp ấy trên thực tế đã góp phần quan trọng mang đến thắng lợi quyết định cho cuộc đấu tranh chống lại quân xâm lược Mãn Thanh lúc bấy giờ.

Khi đất nước đã giành thắng lợi quyết định trên mặt trận quân sự, Ngô Thì Nhậm lại chính là người được vua Quang Trung tin tưởng giao phó cho sứ mệnh bảo vệ nền độc lập đã giành được, tiếp tục đấu tranh trên mặt trận ngoại giao với triều đình phong kiến Mãn Thanh theo phương châm “Dùng ngòi bút thay giáp binh”<sup>(14)</sup>. Đối với Quang Trung thì sứ mệnh này “Nếu không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được!”<sup>(15)</sup>. Và Ngô Thì Nhậm bằng những hành động cụ thể, thiết thực đã không phụ sự ủy thác ấy!

Bấy giờ, sau chiến thắng Đống Đa giòn dã của quân và dân ta, Ngô Thì Nhậm và chủ tướng Quang Trung đã nhận định sáng suốt rằng: Sau khi thua trận, triều đình Mãn Thanh sẽ bị hãm vào thế “tiến thoái lưỡng nan”: không đánh nữa thì xấu hổ, mất thể diện với các nước láng giềng; đánh nữa thì chắc đâu đã thắng khi mà quân Tây Sơn lại đang trên đà thắng lợi.

<sup>(12)</sup> Trong lúc những người lãnh đạo Bắc Hà vẫn đang phân tán. Số đông ngả theo chủ trương của tướng Ngô Văn Sở: “Giặc đến thì phải sống chết với giặc, còn mất với thành”. Chính Ngô Thì Nhậm là người chủ trương: toàn quân rút về trấn giữ vùng Tam Điệp rồi chờ đại quân Nguyễn Huệ cùng tấn công quét sạch quân giặc.

<sup>(13)</sup> Xem: Lời của Ngô Thì Nhậm trong *Hoàng Lê nhất thống chí*, 2006, Nxb. Văn học, Hà Nội.

<sup>(14)</sup> Câu nói của Quang Trung – Nguyễn Huệ trong *Hoàng Lê nhất thống chí*.

<sup>(15)</sup> Lời Nguyễn Huệ nói với tả hữu vào mùa đông năm 1788, chép ở sách *Hoàng Lê nhất thống chí*.

Nếu không thắng thì uy tín của triều Mãn Thanh ắt sẽ tiêu tan trong con mắt của nhân dân Trung Hoa cũng như các nước lân cận. Nắm được yếu thế đó của đối phương, lại biết nhà Thanh đang tìm cách giảng hòa<sup>(16)</sup>, ngày 18 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), Ngô Thì Nhậm được sự chấp thuận của hoàng đế Quang Trung đã viết một bức thư phúc đáp cho vua quan đại Thanh để một mặt làm sao bảo vệ được độc lập, khẳng định được vị thế đang lên của dân tộc, mặt khác không đánh mất thể diện của Thanh triều, tránh khoét sâu mối bất hòa giữa hai nước, đảm bảo hòa bình cho nhân dân. Sau đây là một đoạn trong bức thư mà Ngô Thì Nhậm đã viết gửi viên quan nhà Thanh - Thang Hùng Nghiệp: “Tôi là một người áo vải ở trại Tây Sơn nước An Nam, sinh trưởng ở cõi xa, hâm mộ thánh giáo Trung hoa... Tôi không lấn sang biên giới để phải tội với thượng quốc. Chỉ vì con cháu nhà Lê hèn yếu, người nước đều về với tôi. Sĩ Nghị vì cơ tài súc, muốn phù trì người hèn yếu, không tài, đem tấm lòng cung thuận của tôi vứt bỏ đi. Lại đưa thư vào trong cõi, muốn giết hại tôi cho sướng. Bởi thế gây nên binh đao rồi bị thảm bại... Nay quân đội cốt ở chỗ đoàn kết một lòng, không cốt ở chỗ đông, binh lính quý ở chỗ tinh nhuệ không quý ở chỗ nhiều. Kẻ khéo thắng ở chỗ vô cùng mềm dẻo, chứ không phải ỷ mạnh hiếp yếu, lấy đông hiếp ít dẫu. Nếu tình hình trên không được bày tỏ, Thiên triều không khoan dung, muốn động binh chiến thì nước nhỏ không được thờ nước lớn, tôi cũng đánh nhờ trời mà thôi (Nhân tiện nộp theo tờ hịch của Tôn Sĩ Nghị ứ hiếp tôi để gây ra chinh chiến)”<sup>(17)</sup>.

Bức thư gửi Thang Hùng Nghiệp của

Ngô Thì Nhậm trong hoàn cảnh bấy giờ tựa như bức thư Nguyễn Trãi từng gửi Vương Thông sau những thắng lợi quân sự to lớn trên chiến trường. Cả hai bức thư ấy tuy được thảo ra từ hai con người ở hai thời kỳ lịch sử những đều có chung một tinh thần nhân đạo cao cả, cốt sao cho muôn dân khỏi họa binh đao. Bằng ngòi bút sắc sảo của mình, ở đây Ngô Thì Nhậm đã lột tả thái độ vừa cương quyết, cứng rắn trong việc bảo vệ quốc thể nhưng cũng vừa mềm dẻo, ôn hòa để cho quan lại Thanh triều chấp nhận được điều kiện giảng hòa mà vẫn không bị đánh mất thể diện. Đó là “đại nguyện vọng” của Ngô Thì Nhậm và cũng là nguyện vọng của cả vương triều Tây Sơn lúc bấy giờ. Đến tháng 2 năm đó (1789), Quang Trung đã cho Ngô Thì Nhậm sang Quảng Tây giao thiệp và chấp nhận yêu cầu hòa hoãn của Phúc Khang An<sup>(18)</sup>. Nhờ vậy mà tình hình mặt Bắc bấy giờ được tạm yên, quan hệ bang giao hảo thoai giữa hai nước Việt - Trung được tái thiết.

Nhận thấy triển vọng khôi phục quan hệ ngoại giao bình thường với triều đình phong kiến Mãn Thanh đang trên đà tiến triển, vua Quang Trung trở vào Phú Xuân. Tin tưởng vào tài năng giao thiệp của Ngô Thì Nhậm, vua Quang Trung đã không chút ngần ngại giao phó cho ông

<sup>(16)</sup> Bấy giờ, Quảng Tây phân tuần Tả giang binh bị đạo thống lý biên vụ là Thang Hùng Nghiệp đã bí mật viết cho vua Quang Trung một bức thư yêu cầu vua Quang Trung 2 việc: 1. Đừng có trừng phạt những người đã cộng tác với quân Thanh trong thời gian quân Thanh còn ở Việt Nam. 2. Đừng để cho các tướng mang quân vượt biên giới tiến vào đất Thanh. Thang Hùng Nghiệp xem đó là điều kiện để vua Quang Trung được phong vương.

<sup>(17)</sup> Xem thêm: *Ngô Thì Nhậm-con đường và sự nghiệp*, Sđd, tr.69-71.

<sup>(18)</sup> Tổng đốc Lương Quảng.

toàn bộ sứ mệnh ngoại giao với Thanh triều. Từ đây mọi hoạt động bang giao giữa nước ta với đại quốc Trung Hoa đều do đích thân Ngô Thì Nhậm chủ trương và thi hành.

Lúc bấy giờ, không chỉ có vua Càn Long đề đạt nguyện vọng muốn đích thân vua Quang Trung sang Yên Kinh vào năm 1790 để dự lễ bát tuần vạn thọ, mà chính tổng đốc Lương Quảng Phúc Khang An cũng muốn gặp vua Quang Trung trên đất Quảng Tây. Trước yêu cầu ấy, Ngô Thì Nhậm đã khẳng khái từ chối với những lời lẽ rất khéo léo. Trong bức thư gửi cho Thang Hùng Nghiệp ngày 16 tháng năm năm Kỷ Dậu, ông đã chỉ rõ rằng vua Quang Trung không thể đích thân lên Nam Quan được, bởi đường sá xa xôi hiểm trở, không muốn làm phí “dân tài dân lực... vả lại việc đến cửa quan trần tình, đã sai cháu là Nguyễn Quang Hiến<sup>(19)</sup> thay làm lễ”<sup>(20)</sup>. Rõ ràng, Ngô Thì Nhậm bằng ngòi bút của mình đang đấu tranh gìn giữ thanh danh cho vua và cho cả vương triều Quang Trung, tiếp nối truyền thống ngoại giao của cha ông đi trước. Đồng thời, để tránh gây mối hiềm khích không đáng có trong quan hệ hòa hiếu giữa hai nước, Ngô Thì Nhậm một lần nữa sáng suốt đạo diễn màn kịch: chọn người đóng giả vua Quang Trung sang yết kiến chúc thọ hoàng đế Trung Hoa. Trong suốt 200 ngày Quang Trung giả qua chơi Trung Hoa, Càn Long và Thanh triều đã đón tiếp rất ân cần, trọng thể. Quả thật, “từ trước đến giờ, người mình đi sứ Trung Quốc, chưa có lần nào lạ lẫm và vẻ vang như thế”<sup>(21)</sup> – đó là những lời nhận xét được thốt ra từ Đào Nguyên Tuấn, một

nhân chứng có mặt trong đoàn sứ bộ phò tá Quang Trung sang triều cận Càn Long ở Yên Kinh năm 1790. Sự thành công của chuyến đi sứ lần này cũng chính là sự thành công của màn kịch ngoại giao tuyệt vời mà Ngô Thì Nhậm vừa là tác giả, vừa là đạo diễn. Từ đây, phía nhà Thanh bắt đầu ý đồ huy động quân 9 tỉnh biên giới sang trả thù Đại Việt. Mối quan hệ Việt – Trung ngày càng được cải thiện và nhiều vấn đề nan giải giữa hai nước cũng dần được tháo gỡ.

Tiếp tục đà ngoại giao ấy, Ngô Thì Nhậm đã không ngừng nỗ lực tiếp tục phát huy trọng trách của mình, góp phần đấu tranh giành lại nhiều quyền lợi chính đáng cho dân tộc.

Lúc bấy giờ, sau khi quan hệ Việt – Trung đã bình thường hóa, năm 1789, tổng đốc Lương Quảng Phúc Khang An đã gửi thư cho vua Quang Trung đòi phải đúc người vàng đem cống như một số triều đại trước. Ngô Thì Nhậm đã thay mặt vua Quang Trung khẳng khái khước từ yêu sách ấy. Bằng lập luận sắc sảo mà tế nhị, Ngô Thì Nhậm đã thẳng thắn lí giải rằng: các vua Việt thời trước đem cống người vàng sở dĩ là mong chuộc tội lỗi nào đó với “Thiên triều”. Ngô Thì Nhậm cũng cho rằng, Nguyễn Huệ không có lỗi gì với nhà Lê, và cũng không có lỗi gì với nhà Thanh. Hơn thế nữa, triều đại Quang Trung là một triều đại hùng mạnh, đã hai lần chiến thắng ngoại xâm. Không ai có thể bắt triều đại đó phải làm một việc trái với thể

<sup>(19)</sup> Nguyễn Quang Hiến là cháu của vua Quang Trung.

<sup>(20)</sup> Xem: *Ngô Thì Nhậm – con đường và sự nghiệp*, Sđd, tr.75.

<sup>(21)</sup> Nguyễn Thế Long (2005). *Bang giao Đại Việt triều Tây Sơn*. Nxb. Văn hóa thông tin, tr.54-57.

diện, thanh thế quốc gia<sup>(22)</sup>. Bức thư phản kháng với lời lẽ kiên quyết nhưng rất kín kẽ, mềm mỏng đã một lần nữa *buộc vua Thanh phải nhượng bộ bỏ lệ cống người vàng*. Chính sau này, khi Càn Long làm thơ tặng Quang Trung đã phải phải thừa nhận chua xót rằng: “Thắng triều vàng sự bỉ kim nhân”<sup>(23)</sup> (Nghĩa là: Nhà Thanh cho rằng các triều trước bắt cống người vàng thật đáng khinh bỉ). Từ đây, lệ cống người vàng trong hoạt động triều cống giữa hai nước thực sự bị bãi bỏ.

Trên đà thắng lợi ấy, Ngô Thì Nhậm đã cùng với vua Quang Trung bày tỏ *quyết tâm đòi lại những vùng đất (gồm sáu châu thuộc Hưng Hóa và ba động thuộc Tuyên Quang) bị nhà Thanh sát nhập vào bản đồ Lưỡng Quảng từ lâu*. Trong bức thư gửi sang Thanh yêu cầu trả lại sáu châu nói trên, Ngô Thì Nhậm đã thay mặt vua Quang Trung viết rằng: “...Kính nghĩ Đại hoàng đế bệ hạ, lượng thánh bao dung, yêu mến nước nhỏ. Năm trước phiên thân phía bắc là Hợp Ngạc, Tuy, Thổ, Nhĩ, Hồ, Đặc quy thuận liền được thưởng cấp sổ đất để chăn nuôi, hưởng chi một mảnh đất nhỏ ngoài biên hẻo lánh này, há cần gì phải dựa vào đồ bản. Đó chẳng qua chỉ là do quan lại nơi biên ải không thấu rõ sự thực, dân chúng vùng biên thùy tiện dẫu ở đấy, nên quan chức sở tại mới lấy đó mà bắt ép. Tôi đâu dám phí đất đai của mình và những ả tình uẩn khúc không thể không kêu lên dưới ánh sáng của nhà vua. Vậy nên dám mạo muội dâng biểu, nhờ Tổng đốc Lưỡng Quảng Phúc Khang An chuyển tấu. Tôi xin cử người lên biên giới Nam Quan đợi lệnh, đồng thời sai các quan chức văn võ đến đầu địa hạt đất Hưng Hóa lần lượt điều tra cho rõ ràng

địa giới của bảy châu để đưa về đồ bạ của bản quốc. Tôi ngóng chờ được ơn vinh, xa trông cửa khuyết, chờ đợi thánh huân, rất là sợ hãi.”<sup>(24)</sup>

Mặc dầu yêu cầu ấy bị nhà Thanh làm ngơ, không chịu giải quyết song nó chứng tỏ cho chúng ta thấy bản lĩnh ngoại giao rất vững vàng của vua Quang Trung cũng như Ngô Thì Nhậm. Thật hiếm có một vị vua nào và một vị quân sư nào đủ dũng khí để đề đạt một cách thẳng thắn, thậm chí “ngang hàng” trong vấn đề đất đai, biên giới lãnh thổ giữa hai bên với “Thiên triều” Trung Hoa như vậy. Dù không thành nhưng yêu cầu ấy đưa ra như một sự tỏ bày lòng quyết tâm cao độ của vua quan Đại Việt trong việc gìn giữ biên cương Tổ quốc.

Đến đầu năm 1792, Ngô Thì Nhậm lại tiếp tục được giao trọng trách ngoại giao vô cùng quan trọng: *thay mặt vua Quang Trung dâng biểu lên vua Càn Long chính thức đặt vấn đề xin làm con rể nước Đại Thanh và đòi đất hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây*. Và một lần nữa bằng lời lẽ mềm mỏng, tế nhị cùng lập luận vô cùng kín kẽ, Ngô Thì Nhậm đã dũng cảm thay mặt vua Quang Trung đưa ra yêu cầu hiếm có xưa nay trong lịch sử bang giao giữa hai nước: cầu hôn công chúa của hoàng đế “Thiên triều”<sup>(25)</sup>. Có lẽ hơn ai hết, Ngô Thì Nhậm hiểu rất rõ vị thế hiện tại

<sup>(22)</sup> Xem: Huyền Quang (1952), *Việt Hoa bang giao sử*, Hà Nội, tr.36.

<sup>(23)</sup> Dẫn theo: Nguyễn Thế Long, Sđd, tr.54.

<sup>(24)</sup> Xem: Đinh Gia Khánh (chủ biên) (2000), *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 7, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.103-105.

<sup>(25)</sup> Xem thêm: Hoa Bằng (1950), *Quang Trung - anh hùng dân tộc (1788-1792)*, Nxb. Bón phương, Hà Nội, tr.325 - 327.

của dân tộc trong quan hệ bang giao với đại đế quốc phong kiến Trung Hoa và khả năng có thể thực thi của yêu cầu này. Bởi thế mà ông không ngần ngại chấp bút viết nên những lời thỉnh cầu ấy. Và đúng như ông dự đoán, biểu cầu hôn công chúa nhà Thanh của Quang Trung đã nhanh chóng được hoàng đế Thanh triều chấp thuận. Đối với yêu cầu đòi lại đất Lương Quảng, hoàng đế nhà Thanh đồng ý cho một tỉnh Quảng Tây để Quang Trung làm đất đóng đô. Vậy là những lời thỉnh cầu mà tờ biểu dâng lên đã đạt được về cơ bản<sup>(26)</sup>. Đây là một thắng lợi ngoại giao to lớn của dân tộc ta trong quan hệ bang giao Việt – Trung thời bấy giờ.

Vậy là Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm - hai con người, hai cuộc đời sống và cống hiến ở hai thời kỳ lịch sử khác nhau nhưng đã gặp nhau trong cùng một nhân cách toàn thiện, toàn mỹ và một tầm nhìn ngoại giao mang đậm dấu ấn của nhà Nho trác việt. Hai nhà ngoại giao trong cùng vai trò của một đảng “minh sư” ấy đã cùng với những bậc chân chúa đi trên Đại Đạo Tự Nhiên của Nhân dân, để tranh đấu – hành động vì lẽ phải và lập ngôn trước tác để giải quyết những vấn đề sinh tử của đương đại. Kết quả là, những nỗ lực ngoại giao phi thường ấy của Nguyễn Trãi và Ngô Thì Nhậm đã góp phần to lớn chiến thắng bạo tàn, hướng cuộc chiến tranh về phía hòa bình, hướng con người về phía chân – thiện của cuộc đời và gắn kết mối bang giao hảo thoại giữa hai nước Việt – Trung lên một tầm cao mới. Nhân cách và tầm nhìn ngoại giao trong hai con người, hai cuộc đời ấy sẽ còn sống mãi trong tâm thức mỗi người dân đất Việt như một sự

gợi nhắc về cái cao khiết cần có trong tâm hồn và sự tinh thông, uyên bác cần có của trí tuệ ở những nhà ngoại giao trong mọi thời đại.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Lương Bích (1973), *Nguyễn Trãi đánh giặc cứu nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
2. Hoa Bằng (1950), *Quang Trung - anh hùng dân tộc (1788-1792)*, Nxb. Bốn phương, Hà Nội.
3. Văn Lan, Văn Lang, Lê Sĩ Thắng, Chương Thâu, Ngọc Liên (1974), *Ngô Thì Nhậm - con người và sự nghiệp*, Nxb. Văn hóa Thông tin Hà Tây.
4. Nguyễn Thế Long (2005). *Bang giao Đại Việt triều Tây Sơn*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. Nguyễn Trãi (1961), *Quân trung từ mệnh tập*, Nxb. Văn Sử Địa.
6. *Hoàng Lê nhất thống chí*, 2006, Nxb. Văn học, Hà Nội.
7. Huyền Quang (1952), *Việt Hoa bang giao sử*, Hà Nội.
8. Đinh Gia Khánh (2000), *Tổng tập văn học Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tập 7.
9. Nguyễn Văn Nguyên (2003), *Tấu, biểu đấu tranh ngoại giao của Nguyễn Trãi*, Viện Cao học thực hành – Viện Viễn Đông bác cổ, Hà Nội.

<sup>(26)</sup> Nhưng chính giữa lúc sự nghiệp ngoại giao của Ngô Thì Nhậm đang trên đà phát triển cùng với sự đi lên của đất nước thì ngày 28 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792), vua Quang Trung đột ngột qua đời sau một cơn ác bệnh. Kế hoạch kết hôn công chúa Thanh triều và lấy lại vùng đất Lương Quảng cho dân tộc theo đó cũng dang dở.